

Số liệu cây trồng tháng 5 năm 2024

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước		Năm báo cáo		So với cùng kỳ (%)		Giải trình biến động số liệu tăng, giảm
		Chính thức tháng	Cộng dồn đến tháng	Ước tháng thực hiện	Cộng dồn đến tháng thực hiện	Năm trước	Cộng dồn đến tháng thực hiện	
A	C	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	7
A. Cây hàng năm								
1. Lúa nương								
- Diện tích gieo cấy	Ha							
- Diện tích thu hoạch	Ha							
- Năng suất thu hoạch	Tạ/ha							
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
2. Sắn								
- Diện tích gieo trồng	Ha	8.227	21.645	8.856	19.518	107,6	90,2	Do trong tháng có mưa người dân tranh thủ gieo trồng
- Diện tích thu hoạch	Ha							
- Năng suất thu hoạch	Tạ/ha							
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
3. Dong riềng								
- Diện tích gieo trồng	Ha	1.822	1.822	1.620	1.620	88,9	88,9	
- Diện tích thu hoạch	Ha							
- Năng suất thu hoạch	Tạ/ha							
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
4. Ngô làm thức ăn chăn nuôi vụ Đông Xuân								
- Diện tích gieo cấy	Ha		1.620	441	1.586		97,9	

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước		Năm báo cáo		So với cùng kỳ (%)		Giải trình biến động số liệu tăng, giảm
		Chính thức tháng	Cộng dồn đến tháng	Ước tháng thực hiện	Cộng dồn đến tháng thực hiện	Năm trước	Cộng dồn đến tháng thực hiện	
- Diện tích thu hoạch	Ha	421	920	430	875	102,1	95,1	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn	18.236	32.452	18.070	30.982	99,1	95,5	
B. Cây lâu năm								
1. Cây ăn quả								
Tổng diện tích hiện có	Ha		70.341		72.108		102,5	
Tổng diện tích trồng mới	Ha		100		33		33,0	
1.1. Xoài								
- Diện tích hiện có	Ha		19.872		19.521		98,2	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		9.480		8.527		89,9	
1.2. Chuối								
- Diện tích hiện có	Ha		5.838		6.103		104,5	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		24.499		24.761		101,1	
1.3. Thanh long								
- Diện tích hiện có	Ha		228		258		113,2	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		13		13		100,0	
1.4 Bơ								
- Diện tích hiện có	Ha		1.168		1.139		97,5	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
1.5. Chanh leo								
- Diện tích hiện có	Ha		755		529		70,1	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		175		284		162,3	
1.6. Cam								

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước		Năm báo cáo		So với cùng kỳ (%)		Giải trình biến động số liệu tăng, giảm
		Chính thức tháng	Cộng dồn đến tháng	Ước tháng thực hiện	Cộng dồn đến tháng thực hiện	Năm trước	Cộng dồn đến tháng thực hiện	
- Diện tích hiện có	Ha		1.898		1.856		97,8	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		1.449		1.521		105,0	
1.7. Bưởi								
- Diện tích hiện có	Ha		2.420		2.381		98,4	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		2.024		2.171		107,3	
1.8. Mận								
- Diện tích hiện có	Ha		12.237		12.424		101,5	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		64.820		57.362		88,5	
1.9 Nhãn								
- Diện tích hiện có	Ha		19.763		19.736		99,9	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn							
2. Cao su								
- Diện tích hiện có	Ha		5.388		5.262		97,7	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		450,51		282		62,6	
3. Cà phê								
- Diện tích hiện có	Ha		18.836		20.926		111,1	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		1.160		1.300		112,1	
4. Chè								
- Diện tích hiện có	Ha		5.827		5.857		100,5	
- Sản lượng thu hoạch	Tấn		7.746		6.823		88,1	